

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật số 31/2004/QH11 ngày 03/12/2004 Về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND;

Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 11/12/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 75/TTr-SXD ngày 14/12/2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VB QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, XDCB, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hạnh Phúc(Đã ký)**

## **QUY ĐỊNH**

**Về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình**  
*(Kèm theo Quyết định số 02 /2010/QĐ-UBND ngày 26 /01/2010  
của UBND tỉnh Thái Bình).*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình gồm: Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng; khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng; đầu tư, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (trừ khai thác, chế biến khoáng sản kim loại và sản xuất vật liệu xây dựng không có nguồn gốc từ khoáng sản).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

#### **Điều 3. Chính sách của nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng**

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đồng bộ và phù hợp với quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trong từng thời kỳ.

2. Các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng được ưu đãi đầu tư hoặc đặc biệt ưu đãi đầu tư và những dự án đầu tư thuộc lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn ưu đãi đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

#### **Điều 4. Yêu cầu về công nghệ khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng**

**Công nghệ, thiết bị để sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tái chế các chất thải để làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia phải bảo đảm hiện đại, tiên tiến, có mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng thấp, mức độ ô nhiễm môi trường phải đáp ứng các quy định của pháp luật về môi trường.**

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm vật liệu xây dựng**

1. Các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Đối với vật liệu phải theo quy chuẩn kỹ thuật thì chất lượng phải tuân theo quy chuẩn đó.

## **Điều 6. Yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## **Điều 7. Các hành vi bị cấm hoạt động**

1. Sản xuất, kinh doanh hàng giả; giả mạo nhãn mác, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy của vật liệu xây dựng.
2. Nhập khẩu, kinh doanh các vật liệu xây dựng nhập khẩu không có tiêu chuẩn chất lượng và xuất xứ không rõ ràng.
3. Cung cấp thông tin sai sự thật về chất lượng, xuất xứ sản phẩm vật liệu xây dựng.
4. Các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng không có Giấy phép khai thác, không theo quy hoạch.
5. Sản xuất, kinh doanh, sử dụng sợi amiăng nhóm amfibole để sản xuất vật liệu xây dựng.
6. Đầu tư các công trình xây dựng kiên cố không nhằm mục đích khai thác mỏ, trên diện tích khu mỏ đã được quy hoạch thăm dò, khai thác làm vật liệu xây dựng, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép.
7. Lợi dụng hoạt động quản lý để cản trở bất hợp pháp hoạt động của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

## **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1 QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

#### **Điều 8. Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng**

Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh thuộc quy hoạch chung phát triển vật liệu xây dựng. Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng vùng, quy hoạch phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu và quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

#### **Điều 9. Phân kỳ thời gian của quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng**

Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng được lập cho thời kỳ là 10 năm, định hướng phát triển cho 5 đến 10 năm tiếp theo và thể hiện cho từng thời kỳ là 5 năm.

#### **Điều 10. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng**

1. Việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng được thực hiện theo nguyên tắc: Định kỳ xem xét, điều chỉnh 5 năm một lần trên cơ sở căn cứ kết quả rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng hàng năm.

2. Việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng phải đảm bảo tính kế thừa, chỉ điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp với tình hình thực tế và bổ sung những nội dung cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

### **Điều 11. Căn cứ, trình tự, nội dung, hồ sơ quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng**

Căn cứ lập quy hoạch, trình tự, nội dung, hồ sơ quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng theo quy định tại các Điều 12, 14, 15, 16, 17 của Nghị định số 124/2007/NĐ-CP.

## **Mục 2**

### **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

#### **Điều 12. Điều kiện hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng**

Khoáng sản làm vật liệu xây dựng được khai thác trên địa bàn tỉnh gồm có: Cát sông, cát biển và đất sét.

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác các loại khoáng sản nêu trên làm vật liệu xây dựng phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có Giấy phép khai thác khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.
2. Có dự án đầu tư đã được phê duyệt; thiết kế khai thác mỏ được phê duyệt.
3. Điều kiện về năng lực và công nghệ:
  - a) Dự án đầu tư phải lựa chọn công nghệ tiên tiến đảm bảo sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường;
  - b) Quy mô, công nghệ, thiết bị khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng phải phù hợp với dự án đầu tư đã được phê duyệt; phù hợp với đặc điểm của từng loại khoáng sản để nâng cao tối đa hệ số thu hồi khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm;
  - c) Đối với hoạt động khai thác phải có ban điều hành dự án theo quy định của pháp luật về khoáng sản;
  - d) Có đủ các điều kiện để thực hiện công tác bảo vệ môi trường, môi sinh, có phương án hoàn nguyên cho mỗi phân kỳ khai thác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
  - đ) Có giải pháp bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Đối với các mỏ khoáng sản nằm ở khu vực giáp danh với các tỉnh khác thì các phương án khai thác phải được UBND tỉnh Thái Bình và

UBND các tỉnh liên quan chấp thuận về công nghệ khai thác, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, tiết kiệm tài nguyên; công suất, tiến độ; phân chia khu vực cho các đối tác cùng tham gia đầu tư khai thác và các nghĩa vụ liên quan khác.

#### **Điều 13. Yêu cầu về chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng**

1. Phải tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, lao động và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia để sản xuất vật liệu xây dựng thì công nghệ sản xuất, kho bãi lưu giữ chất thải, phương tiện vận chuyển phải đáp ứng các quy định về môi trường.

2. Có bộ máy nhân lực được đào tạo, đủ năng lực vận hành thiết bị công nghệ và kiểm soát chất lượng sản phẩm.

**Điều 14. Điều kiện về bộ máy nhân lực vận hành thiết bị công nghệ chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng trong doanh nghiệp**

1. Người phụ trách quản lý kỹ thuật sản xuất:

- a) Có trình độ cao đẳng trở lên theo ít nhất một trong các chuyên ngành đào tạo: công nghệ vật liệu xây dựng, công nghệ hoá chất, khai thác mỏ, cơ khí, điện, tự động hoá;
- b) Có biên chế hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng chuyên gia, có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong sản xuất vật liệu xây dựng;
- c) Có đủ sức khoẻ để đảm nhận công việc.

2. Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng sản xuất, tổ trưởng sản xuất, trưởng ca sản xuất hoặc tương đương:

a) Có trình độ trung cấp kỹ thuật trở lên theo ít nhất một trong các chuyên ngành đào tạo: công nghệ vật liệu xây dựng, công nghệ hoá chất, khai thác mỏ, cơ khí, điện, tự động hoá. Nếu không đúng các nghề nêu trên phải có chứng chỉ đào tạo về lĩnh vực kỹ thuật sản xuất được phân công phụ trách. Nếu là công nhân thì phải là công nhân bậc 5/7 trở lên của chuyên ngành sản xuất;

b) Có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng chuyên gia, có ít nhất một (01) năm kinh nghiệm trong sản xuất vật liệu xây dựng;

c) Có đủ sức khoẻ để đảm nhận công việc;

d) Có chứng chỉ về an toàn lao động được cấp sau khi qua đào tạo và kiểm tra theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Người lao động trực tiếp vận hành thiết bị sản xuất:

a) Có chứng chỉ đào tạo theo chuyên ngành sản xuất, vận hành thiết bị;

b) Có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng chuyên gia;

c) Có đủ sức khoẻ tham gia sản xuất trực tiếp;

d) Có chứng chỉ về an toàn lao động được cấp sau khi qua đào tạo và kiểm tra theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Người phụ trách phòng phân tích, kiểm nghiệm :

a) Có trình độ cao đẳng trở lên theo ngành đào tạo đối với lĩnh vực phân tích, kiểm nghiệm hoặc một trong các chuyên môn của phòng phân tích, kiểm nghiệm;

b) Có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng chuyên gia;

c) Có đủ sức khoẻ để đảm nhận công việc;

d) Có chứng chỉ về an toàn lao động được cấp sau khi qua đào tạo và kiểm tra theo quy định của pháp luật về lao động.

5. Nhân viên thí nghiệm:

a) Có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phân tích, kiểm nghiệm;

- b) Có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng chuyên gia;
- c) Có đủ sức khoẻ để đảm nhận công việc;
- d) Có chứng chỉ về an toàn lao động được cấp sau khi được đào tạo và kiểm tra theo quy định của pháp luật về lao động.

**Điều 15. Điều kiện về năng lực của người vận hành thiết bị công nghệ chế biến sản xuất vật liệu xây dựng đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác (có sản xuất vật liệu xây dựng)**

1. Người phụ trách kỹ thuật sản xuất:
  - a) Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên theo ít nhất một trong các chuyên ngành đào tạo: công nghệ vật liệu xây dựng, công nghệ hoá chất, khai thác mỏ, cơ khí, điện, tự động hoá. Nếu là công nhân thì phải là thợ bậc 3/7 trở lên được đào tạo theo chuyên ngành sản xuất;
  - b) Có hợp đồng lao động (nếu không phải là chủ hộ kinh doanh hoặc không phải là thành viên tổ hợp tác);
  - c) Có đủ sức khoẻ để đảm nhận công việc;
  - d) Có chứng chỉ về an toàn lao động được cấp sau khi qua đào tạo và kiểm tra theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Người lao động trực tiếp vận hành thiết bị sản xuất:
  - a) Được đào tạo tay nghề trong lĩnh vực sản xuất;
  - b) Có hợp đồng lao động;
  - c) Có đủ sức khoẻ để đảm nhận công việc;
  - d) Có chứng chỉ về an toàn lao động được cấp sau khi qua đào tạo và kiểm tra theo quy định của pháp luật về lao động.

**Điều 16. Kinh doanh vật liệu xây dựng**

1. Kinh doanh vật liệu xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại.

2. Những sản phẩm vật liệu xây dựng kinh doanh có điều kiện không phải cấp giấy chứng nhận kinh doanh theo quy định tại khoản 4 Điều 7 và điểm 10, mục 2, phụ lục III của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, gồm các nhóm sau:

- a) Vật liệu xây dựng công kênh, khối lượng lớn, dễ gây bụi gồm: gạch xây, cát, đá, sỏi, vôi cục, vôi tôi, tấm lợp, kết cấu thép xây dựng, bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, tre, nứa, lá, đà giáo, cốp pha, cừ tràm, kính tấm xây dựng, đá ốp lát có tạo hình cát, mài cạnh;
- b) Các loại vật liệu xây dựng dễ cháy gồm: gỗ xây dựng, tre, nứa, lá, vật liệu nhựa, các loại sơn dầu, giấy dầu, cốt, cốt ép;
- c) Vật liệu xây dựng có mùi, hoá chất độc hại, gây bụi: sơn dầu, giấy dầu, cốt ép, hắc ín, vôi tôi, vôi cục, vôi tôi trong bể.

3. Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng có điều kiện quy định tại khoản 2, Điều này phải đáp ứng các quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; Điều 17, 20 Quy định này. Ngoài ra còn phải tuân thủ các quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều này.

4. Đối với cửa hàng, siêu thị kinh doanh vật liệu xây dựng, kho, bãi chứa vật liệu xây dựng:

a) Địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của các ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố nơi đăng ký hoạt động;

b) Có đủ diện tích cho việc xuất, nhập hàng hoá, đảm bảo không lấn chiếm vỉa hè, lòng đường gây ùn tắc giao thông;

c) Có biển ghi rõ tên cửa hàng, tên doanh nghiệp, tên tổ hợp tác hoặc tên hộ kinh doanh. Hàng hoá phải có xuất xứ, có đăng ký chất lượng, hướng dẫn sử dụng cho người tiêu dùng;

d) Phải có đủ phương tiện, thiết bị để chữa cháy, biển báo an toàn tại nơi bán hàng vật liệu xây dựng thuộc điểm b, khoản 2 Điều này;

đ) Phải có ngăn cách đảm bảo an toàn cho người tại nơi bán hàng vật liệu xây dựng thuộc điểm c khoản 2 Điều này. Hồ, bể vô tội phải có rào che chắn và biển báo nguy hiểm. Không được cắt, mài cạnh đá ốp lát ở vỉa hè, đường phố; không để nước, bụi bẩn vương vãi ra nơi công cộng.

5. Đối với cửa hàng giới thiệu sản phẩm vật liệu xây dựng thì cửa hàng và sản phẩm vật liệu xây dựng trưng bày phải phù hợp với các yêu cầu tại điểm a, c, d, đ, khoản 4 Điều này.

6. Các loại vật liệu xây dựng bị hư hỏng, kém phẩm chất, phế thải trong quá trình vận chuyển, lưu chứa, kinh doanh phải được tái chế để sản xuất hoặc xử lý, đổ đúng nơi quy định của chính quyền địa phương.

### **Điều 17. Điều kiện về chất lượng đối với sản phẩm vật liệu xây dựng đưa ra thị trường**

1. Sản phẩm vật liệu xây dựng sản xuất trong nước đưa ra thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Sản phẩm vật liệu xây dựng phải đạt tiêu chuẩn đã công bố. Đối với sản phẩm thuộc danh mục phải tuân theo quy chuẩn kỹ thuật thì phải bảo đảm chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật;

b) Những sản phẩm vật liệu xây dựng chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì nhà sản xuất phải có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn áp dụng và phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất;

c) Sản phẩm vật liệu xây dựng có nhãn và nhãn phải bảo đảm ghi đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hoá.

2. Sản phẩm vật liệu xây dựng nhập khẩu phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

### **Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng**

1. Quyền của tổ chức, cá nhân:  
Có các quyền theo quy định của pháp luật về khoáng sản.
2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân:
  - a) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật;
  - b) Hoạt động khai thác phải phù hợp với quyết định phê duyệt;
  - c) Bảo vệ, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường và cảnh quan trong và sau khi khai thác;
  - d) Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác gây ra theo quy định của pháp luật;
  - đ) Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
  - e) Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng**

1. Quyền của tổ chức, cá nhân:
  - a) Lựa chọn, quyết định về công nghệ chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật;
  - b) Lựa chọn, quyết định và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng do mình sản xuất;
  - c) Quyết định về việc tổ chức và các biện pháp kiểm soát nội bộ về chất lượng sản phẩm và môi trường theo tiêu chuẩn chất lượng và môi trường;
  - d) Quyết định giá và kinh doanh sản phẩm vật liệu xây dựng do mình sản xuất.
2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân:
  - a) Công bố tiêu chuẩn áp dụng, chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất;
  - b) Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của quyết định phê duyệt đầu tư;
  - c) Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc các nội dung ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định tại Quy định này;
  - d) Cung cấp đầy đủ thông tin, hướng dẫn sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản vật liệu xây dựng;
  - đ) Ngừng sản xuất ngay và có biện pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện sản phẩm vật liệu xây dựng không đạt tiêu chuẩn chất lượng và có nguy cơ gây thiệt hại cho người kinh doanh và người sử dụng; bồi thường thiệt hại cho người kinh doanh và người sử dụng do việc sử dụng sản phẩm vật liệu xây dựng không đạt tiêu chuẩn chất lượng gây ra;
  - e) Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;



g) Cung cấp thông tin về chất lượng sản phẩm, môi trường cho các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

## **Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng**

1. Quyền của tổ chức, cá nhân:

a) Có các quyền của thương nhân kinh doanh hàng hoá theo quy định của pháp luật về thương mại;

b) Quyết định về việc tổ chức và các biện pháp kiểm soát nội bộ về chất lượng vật liệu xây dựng;

2. Nghĩa vụ của nhà xuất khẩu vật liệu xây dựng:

a) Bảo đảm chất lượng vật liệu xây dựng phù hợp với hợp đồng thương mại;

b) Tuân thủ các yêu cầu về chất lượng vật liệu xây dựng xuất khẩu quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam cam kết;

c) Trường hợp vật liệu xây dựng được tái nhập để sử dụng trong nước, nhà xuất khẩu phải thực hiện nghĩa vụ như nhà nhập khẩu quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nghĩa vụ của nhà nhập khẩu vật liệu xây dựng:

a) Chịu trách nhiệm về chất lượng vật liệu xây dựng do mình nhập khẩu;

b) Tổ chức và kiểm soát quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản để duy trì chất lượng sản phẩm và yêu cầu về bảo vệ môi trường;

c) Chịu trách nhiệm việc tái xuất vật liệu xây dựng nhập khẩu không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật;

d) Vật liệu xây dựng nhập khẩu không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật nhưng không tái xuất được và không tái chế được thì nhà nhập khẩu phải tiêu huỷ trong thời hạn quy định và chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu huỷ. Nghiêm cấm việc nhập khẩu những vật liệu xây dựng là rác thải, phế thải công nghiệp gây ô nhiễm môi trường và gây thiệt hại đến lợi ích chung của tỉnh và cộng đồng dân cư;

đ) Cung cấp đầy đủ thông tin, các điều kiện phải thực hiện khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản sản phẩm vật liệu xây dựng cho người kinh doanh và người sử dụng;

e) Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Nghĩa vụ của người kinh doanh vật liệu xây dựng:

a) Tuân thủ các yêu cầu về kinh doanh vật liệu xây dựng theo quy định tại Điều 16 Quy định này;

b) Chịu trách nhiệm đối với sản phẩm vật liệu xây dựng do mình bán;

c) Tổ chức và kiểm soát quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản vật liệu xây dựng để duy trì chất lượng;

d) Cung cấp đầy đủ thông tin, các điều kiện phải thực hiện khi vận chuyển, cất giữ, bảo quản sản phẩm vật liệu xây dựng cho người mua;

đ) Khi nhận được thông tin về chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định từ nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, phải kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin này và biện pháp xử lý cho người mua;

e) Tuân thủ quy hoạch mạng lưới kinh doanh vật liệu xây dựng có điều kiện ở các đô thị (nếu có);

g) Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Mục 3**

## **KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 21. Kiểm tra, thanh tra các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng**

1. Nội dung kiểm tra, thanh tra:

a) Việc thực hiện quy hoạch vật liệu xây dựng;

b) Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;

c) Chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng sản xuất trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường;

d) Sự đáp ứng tiêu chuẩn môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;

đ) Điều kiện kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. Hình thức kiểm tra:

a) Kiểm tra định kỳ;

b) Kiểm tra đột xuất khi có khiếu nại, tố cáo.

3. Hình thức thanh tra:

a) Thanh tra theo kế hoạch;

b) Thanh tra đột xuất: trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm hoặc có khiếu nại, tố cáo.

#### **Điều 22. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng có những hành vi vi phạm các quy định của Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc có hành vi phạm tội thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở các tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh hoặc trực lợi cá nhân sẽ bị xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 23. Xử lý các tồn tại về công nghệ sản xuất được đầu tư trước khi Quy định này có hiệu lực**

Đối với các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường đã được đầu tư trước khi Quy định này có hiệu lực thì hành:

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện và thành phố tổ chức kiểm tra, chỉ đạo nhà sản xuất xây dựng phương án tổng thể hoàn thiện công nghệ và xử lý môi trường theo tiến độ cụ thể; phê duyệt phương án và giám sát việc triển khai thực hiện phương án đã được phê duyệt. Đến năm 2015 sẽ di chuyển các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các thành phố, thị xã, thị trấn.

2. Trường hợp không có phương án khắc phục thì phải chuyển đổi sản xuất, ứng dụng công nghệ tiên tiến hơn hoặc ngừng sản xuất.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 24. Công tác quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng**

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng có nhiệm vụ:

a) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng;

c) Tổ chức lập quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trình Hội đồng có thẩm quyền thẩm định, trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt;

d) Chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về công tác quản lý quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng;

đ. Phối hợp sở Tài nguyên và Môi trường, sở Công thương, sở Khoa học và Công nghệ trong công tác quản lý hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng và việc tiếp cận các công nghệ mới về sản xuất chế biến vật liệu xây dựng, xử lý ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng để triển khai áp dụng;

e) Phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện và thành phố trong công tác quy định khu vực, đường phố, địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi đổ phế thải vật liệu xây dựng phù hợp với quy hoạch địa phương;

g) Phối hợp với các sở có liên quan, UBND các huyện và thành phố thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và xử lý hoặc đề nghị UBND tỉnh xử lý tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng có hành vi vi phạm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

h) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình về hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh định kỳ, hàng năm;

i) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn pháp luật, cung cấp thông tin về lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3. Các sở, ngành liên quan:

a) Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Giao thông Vận tải, Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp sở Xây dựng thực hiện quản lý Nhà nước các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

b) Sở Khoa học và Công nghệ kết hợp với sở Xây dựng, sở Công thương hướng dẫn các tiêu chí để đánh giá công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường; làm cơ sở để xử lý các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, được quy định tại khoản 1 Điều 23 Quy định này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố:

a) Quản lý quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn sau khi được phê duyệt.

b) Phối hợp với sở Xây dựng, các sở, ngành liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn mình quản lý.

c) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình về hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn mình quản lý, báo cáo sở Xây dựng định kỳ, hàng năm.

d) Xử lý các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng có hành vi vi phạm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chuyển cấp trên xử lý nếu vượt quá thẩm quyền.

#### **Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng**

Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân nêu tại Điều 2 Quy định này có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 124/2007/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 11/2007/TT-BXD của Bộ Xây dựng, các văn bản pháp luật liên quan và Quy định này.

#### **Điều 26. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Xây dựng triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các sở, ngành, UBND các cấp, các tổ chức, cá nhân phản ánh về sở Xây dựng để nghiên cứu, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hạnh Phúc(Đã ký)**